

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên gói thầu: “Cung cấp dịch vụ xử lý chuột năm 2026 – 2027”
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Nhân dân Gia Định
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, nguồn thu hợp pháp khác
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

II. Mục tiêu công việc:

- Cung cấp trọn gói dịch vụ xử lý chuột năm 2026 – 2027, đạt yêu cầu Bệnh viện vệ sinh theo tiêu chí của Bộ Y tế, yêu cầu về kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, an toàn môi trường và bệnh viện Xanh - Sạch - Đẹp.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

1. Khu vực công cộng trong khuôn viên bệnh viện:

1.1. Phần 1: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 1, địa chỉ 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh: 11.505 m²

1.2. Phần 2: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 2, địa chỉ 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh: 1.357,98 m²

1.3. Yêu cầu chung Phần 1 và Phần 2:

- Tất cả các sân vườn
- Khu vực các nhà vệ sinh công cộng phục vụ người bệnh và thân nhân trong khuôn viên bệnh viện;
- Sân & bãi đậu xe 4 bánh, bãi xe 2 bánh dành cho nhân viên
- Khu nhà chờ thân nhân bệnh nhân
- Các lối đi, hành lang, kho bãi trong khuôn viên bệnh viện.
- Trạm xử lý nước thải
- Khu vực Sino, mái bằng toàn bệnh viện

2. Khu vực các khoa lâm sàng, cận lâm sàng và các phòng chức năng:**2.1. Phần 1: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 1, địa chỉ 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh: 29.990,1 m²****Bảng số 01: Diện tích các khu vực trong bệnh viện**

STT	KHU VỰC		DIỆN TÍCH
I	KHU A		2.400 m²
1	Tầng trệt	Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Phòng Tổ chức Cán Bộ Phòng Hành Chính Quản Trị Phòng Tài Chính Kế Toán Phòng Quản Lý Chất Lượng Phòng Công Tác Xã Hội Văn thư Sảnh chính Khu khám Chuyên gia Nhà thuốc bệnh viện Quầy bảo lãnh viện phí Quầy nhận bệnh dịch vụ Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh (Siêu âm, X-Quang nội trú, CT, RFA, MRI, Đo loãng xương)	1.200 m²
2	Lầu 1	Văn phòng Ban Giám đốc Hội trường A, B, Thư viện. Phòng Điều dưỡng Phòng Công Nghệ Thông Tin Trực Lãnh đạo Trực Hành chính Phòng họp 01 Phòng Hội đồng đạo đức Phòng Tiếp dân	1.200 m²

		Phòng làm việc chuyên gia Kho Hành Chính Quản lý dự án	
II	KHU B		4.186,1 m²
1	Tầng trệt	Siêu âm Quầy trực tài vụ Phòng chăm thầu VTTBYT Phòng Chỉ Đạo Tuyến Tổ Thẩm định Phòng Bác sĩ X-Quang can thiệp	677,22 m ²
2	Lầu 1	Ngoại Niệu	877,22 m ²
3	Lầu 2	Ngoại Lòng ngực mạch máu	877,22 m ²
4	Lầu 3	Nội Cơ Xương Khớp Y học cổ truyền	877,22 m ²
5	Lầu 4	Gây mê hồi sức	877,22 m ²
III	KHU C (Khu nhà chữ H)		10.940 m²
1	Tầng trệt	Hồi sức tích cực chống độc Sản Bệnh Sản Phụ khoa Lão khoa Phòng Vật tư thiết bị y tế Trực Dược Siêu Âm Tim Siêu âm Cấp cứu – Nội trú 1 Siêu âm Cấp cứu – Nội trú 2 Các phòng bệnh VIP: 1 + 2 + 3 + 4	2.945 m ²
2	Lầu 1	Khoa Hồi sức tim mạch Ngoại Tiêu Hoá Ngoại Chấn Thương Chính Hình	2.945 m ²

		Ngoại Gan – Mật – Tụy Sản thường Lọc máu Các phòng bệnh VIP: 5 + 6 + 7 + 8 Khu Sinh viên	
3	Lầu 2	Nội Tim Mạch Nội Tiêu Hoá Nội Tiết Thận Nội Thần Kinh	2.525 m ²
4	Lầu 3	Khoa Nhi Ngoại Thần Kinh Bệnh Lý Sơ Sinh Nội Hô Hấp Phòng bệnh VIP 9	2.525 m ²
IV	KHU D (Khu Khám – Cấp cứu)		8.364 m²
1	Tầng trệt	Khoa Sanh Sinh Hoá Huyết Học Quầy nhận bệnh Quầy thu viện phí Quầy phát thuốc Bảo hiểm y tế Cấp cứu – Cấp cứu sản Phòng khám 303 – Xét nghiệm nhanh Phòng chụp X-Quang Nhà vệ sinh công cộng	2.091 m ²
2	Lầu 1	Toàn bộ các phòng khám Nội Toàn bộ các phòng khám Sản – Nhi Phòng đo chức năng hô hấp Đo điện tim Khu E (Khu Khám dịch vụ) Vi sinh	2.091 m ²

		Chụp X-Quang – Siêu âm dịch vụ Quầy phát thuốc không bảo hiểm Quầy thu viện phí Phòng hành chính Khoa Khám Nhà vệ sinh công cộng Nhà vệ sinh nhân viên	
3	Lầu 2	Khoa Tổng hợp Toàn bộ các phòng khám Ngoại Phòng Tiểu phẫu Siêu âm Chuyên khoa Mắt Chuyên khoa Tai Mũi Họng Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Phục hồi chức năng Quầy thu viện phí Phòng nhân viên Nhà vệ sinh công cộng Nhà vệ sinh nhân viên	2.091 m ²
4	Lầu 3	Gây Mê Hồi Súc (Phòng mổ - Hồi sức ngoại) Phẫu Thuật Tim Thăm Dò Chức Năng Hồ Sơ Y Lý	2.091 m ²
V	KHU F		800 m²
1	Tầng trệt	Tim Mạch Can Thiệp Tổ Bảo vệ Công Nơ Trang Long Tổ Bảo vệ Phan Đăng Lưu Trạm xử lý nước thải Columbia	
V	KHU G		2.000 m²

1	Tầng trệt	Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn Cấp phát Dược Khoa Dinh Dưỡng Kho Hành Chính Nhà vận hành kỹ thuật Nhà May giặt	
VI	KHU L		1.000 m²
		Khoa Giải Phẫu Bệnh Dược chính Công xa	
VII	KHU K		300 m²
1	Tầng trệt	Nhà Vĩnh Biệt Nhà lưu giữ rác thải	

2.2. Phần 2: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 2, địa chỉ 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh: 5.595,22 m²

Bảng số 02: Diện tích các khu vực trong bệnh viện

Stt	KHU VỰC		DIỆN TÍCH
I	Khu A		<u>1.260,19 m²</u>
1	Trệt A Khoa CCHS	Khoa Cấp cứu hồi sức , phòng khám 125 Phòng máy Tiểu phẫu Điều trị trong ngày 1 Điều trị trong ngày 2 Nhà vệ sinh bệnh nhân Phòng trực BS Phòng trực ĐD Phòng Nội soi 1 + 2 Phòng Siêu âm 1 +2 Phòng X- Quang	548,56 m ²

		Phòng CT - Scan Phòng Đo loãng xương Phòng BS Phó khoa Phòng dụng cụ Nhà vệ sinh nhân viên	
2	Lầu 1 PTGMHS	P MỔ 1 P MỔ 2 P MỔ 3 P MỔ 4 P MỔ 5 Phòng Tiểu phẫu 1 Phòng Tiểu phẫu 2 Phòng Đo Điện cơ Phòng tiểu phẫu, siêu âm mắt Nhà vệ sinh Phòng hành chính khoa	279,94 m ²
3	Lầu 2 Khoa nội	Nhà vệ sinh nhân viên Phòng 201 Phòng 202 + 203 Hành chính khoa Nhà vệ sinh Phòng khám khoa ngoại Hành chính khoa nội Phòng BS khám bệnh Phòng ĐD + Hộ lý Phòng BS Nam Phòng BS Nữ Phòng BSTK nội	187,93 m ²
4	Lầu 3	Phòng máy chủ Sever (CNTT) Phòng TP.TCKT	243,76 m ²

	Khối hành chính	Phòng Phó Giám đốc 1 Phòng Phó Giám đốc 2 Phòng TCKT 1 Phòng TCKT 2 Phòng Thư viện điện tử Hội trường C Phòng TP.HCQT Phòng Phó Giám đốc 2	
II	Khu B		<u>1.002,60 m²</u>
1	Trệt Khám bệnh	Đại lý thuốc P1 Đo Hô hấp khi P2 Khám nhi P3 Khám CTCH-bồng P4 Khám Da liễu P5 Khám ngoại P6 Khám YHCT, cây chỉ P7 Đo điện tim P8. Hành chính khoa KB P9 Khám ngoại P10 Khám Nội P11 Khám vệ tinh P12 Khám vệ tinh P14 Khám nội P15 Khám sản	607,22 m ²
2	Lầu 1- Khám LCK	Phòng trực điều dưỡng P.phòng răng P.phòng TMH P.phòng mắt Phòng HS BA Kho VTYT	179,82 m ²

		Phòng HC khoa KB (cũ)	
3	Lầu 2- Khoa nội	Kho chứa đồ (P202) Phòng 204 Phòng 205 Phòng 206 Nhà vệ sinh Phòng 207 Phòng 208 Phòng 209 Phòng 210 Phòng 211 Phòng trực điều dưỡng	215,56 m ²
III	Khu C		<u>822,54 m²</u>
1	Tầng trệt	Khu khám bệnh dịch vụ 86,4 Khoa Hồi sức tích cực (ICU) 66,6 m ² Hành lang + Nhà xe nhân viên (80 m ²)	420,60 m ²
2	Lầu 1 Khoa GMHS	Phòng Hậu phẫu 1 Phòng Hậu phẫu 2 Phòng bệnh DV 1 Phòng bệnh DV 2 Phòng bệnh DV 3	179,10 m ²
3	Lầu 2 Khoa Ngoại	Phòng trực điều dưỡng Phòng hành chính khoa P2 Bệnh nhân nam P3 Bệnh nhân nam P4 Bệnh nhân nữ Phòng Hành chính khoa Nhà vệ sinh P6 Bệnh nhân dịch vụ P5 Bệnh nhân dịch vụ	222,84 m ²

		P1 Bệnh nhân dịch vụ Phòng Tiêm khớp Phòng khám ngoại	
IV	Khu D		<u>322,24 m²</u>
1	Tầng trệt	Phòng KSK Tổng quát Phòng TMH- Mắt Phòng SA 1 Phòng SA 2 Hành lang	132,27 m ²
2	Lầu 1	Phòng BN 1 Phòng BN 2 Phòng BN 3 Phòng BN 4 Phòng BN 5 Phòng BN 6 Phòng BN 7 Phòng BN 8 Hành lang	189,97 m ²
V	Khu E		<u>1.033,70 m²</u>
1	Tầng trệt	Khoa xét nghiệm Phòng TP TCCB Kho dược chính – Kho VTTB Tổ Bảo trì Kho Văn phòng phẩm Phòng đóng gói giặt ủi	373,61 m ²
2	Lầu 1	Hành chính khoa YHCT Phòng bệnh nhân 101 Phòng bệnh nhân 102 Phòng bệnh nhân 103 Phòng bệnh nhân 104	380,86 m ²

		Phòng bệnh nhân 105 Kho YHCT - PHCN Phòng khám YHCT - PHCN Phòng Hành chính khoa Phòng trực điều dưỡng Phòng trực hành chính khoa xét nghiệm Khu văn thư lầu 1(cũ)	
3	Lầu 2	Hội trường Sài Gòn Phòng thiết bị âm thanh Nhà vệ sinh nam/ nữ	279,23 m ²
VI	Khu F		<u>549,93 m²</u>
1	Tầng Trệt	Căn tin (130 m2) Phòng sinh học phân tử (34,56 m2) Nhà Đại thể (132,25 m2) Nhà may Phòng giao nhận đồ vải sạch Nhà vệ sinh nam/ nữ Phòng thay đồ nam/ nữ Phòng nhận dụng cụ dơ	218,56 m ²
2	Lầu 1	Khoa dược Phòng TK dược Phòng TP VTTBYT Phòng VTTBYT Phòng HCQT Phòng CNTT Tổ Lái xe Tổng đài	296,81 m ²
3	Tầng 2	Kho lưu trữ hồ sơ (34,56 m2) Khoa lưu trữ HSBA (132,25 m2)	34,56 m ²
VII	Khu H		<u>604,02 m²</u>

1	Trệt	Phòng Hành chính khoa YHCT (cũ) Phòng bệnh YHCT (cũ) Phòng Thanh trùng Phòng công tác chuyên môn KSNK	302,01 m ²
2	Tầng 1	Khu khám cận lâm sàng (mới) Nhà vệ sinh	302,01 m ²

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1. Phần 1: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 1, địa chỉ 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh: 41.495,1 m²

3.2. Phần 2: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 2, địa chỉ 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh: 6.953,2 m²

3.3. Yêu cầu chung Phần 1 và Phần 2:

3.3.1. Phương pháp xử lý:

- Tìm kiếm các vị trí chuột làm tổ, làm hang, tiến hành rắc bả trực tiếp vào bên trong hang.

- Lắp các hộp đựng bả chuột chuột bên trong tầng hầm, kết hợp sử dụng môi vi sinh cho toàn bộ khu vực sân thượng, sân vườn, ngoại cảnh.

- Lắp đặt các trạm bả, bẫy tại các vị trí phát hiện có chuột chạy hoặc các vị trí chuột thường xuyên xuất hiện.

- Sử dụng kết hợp các loại bẫy đặt trên trần nhà, trần hành lang, bên trong các trục kỹ thuật.

- Đặt bẫy keo chuột khu vực phát sinh bên trong các khoa, phòng.

- Kiểm tra toàn viện để đặt bẫy keo chuột và bổ sung bả chuột vào hộp đựng bả chuột.

- Xử lý chuột chết trong vòng 4 giờ kể từ lúc nhận được thông báo từ bệnh viện.

- Tần suất xử lý:

+ Xử lý chuột: 04 lần/tháng, kể cả các ngày nghỉ, Lễ, Tết.

+ Trong trường hợp đột xuất cần xử lý chuột: khi có yêu cầu của bệnh viện thì nhà thầu sẽ có mặt trong vòng 4 giờ kể từ lúc nhận được thông báo, đồng thời đưa ra các biện pháp xử lý cần thiết trong vòng 24h tiếp theo.

3.3.2. Yêu cầu về nhân sự:

- Có tác phong lịch sự, có tinh thần hợp tác tốt, đồng phục gọn gàng, có trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

- Tuân thủ các nội quy, quy định khi vào làm việc tại Bệnh viện.

3.3.3. Yêu cầu về thiết bị, dụng cụ:

- Sử dụng hộp đựng bả chuột, bẫy chuột loại chuyên dụng, có kích thước nhỏ gọn, tiện lợi, dễ sử dụng và có thể đặt ở bất kỳ địa hình nào mà chuột thường xuyên xuất hiện.

- Sử dụng keo dính chuột có độ dính cao.

- Khi đặt bẫy chuột, keo dính phải tránh nơi có con người qua lại và phải có biển báo an toàn tại nơi đặt bẫy.

3.3.4. Yêu cầu về chế phẩm, hóa chất:

- Chế phẩm, hóa chất diệt chuột, côn trùng có số đăng ký lưu hành sản phẩm còn hiệu lực theo Thông tư số 11/2020/TT-BYT Ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt mối, côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế và Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Chế phẩm, hóa chất diệt chuột không ảnh hưởng đến sức khỏe con người, hàng hóa và môi trường.

- Nhà thầu cung cấp danh mục chế phẩm, hóa chất, gồm xuất xứ, nhãn mác sản phẩm, số lượng, mô tả hàng hóa trong quá trình thực hiện dịch vụ.

- Trong quá trình thực hiện dịch vụ nếu hóa chất, chế phẩm sử dụng gây mùi khó chịu, không đạt hiệu quả thì thay thế loại hóa chất, chế phẩm khác đáp ứng yêu cầu.

Bảng số 03: Danh mục Chế phẩm, hóa chất

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Xuất xứ (Nước sản xuất)	Nhà sản xuất	Mô tả công dụng sản phẩm	Đăng ký lưu hành (nếu có)
1	

3.3.5. Yêu cầu khác

- Không để các hóa chất, nhiên liệu dễ cháy, nổ bên trong Bệnh viện.
- Tuyệt đối chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc tại Bệnh viện. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong bất cứ tai nạn nào liên quan đến quá trình làm việc.
- Bố trí nhân viên chuyên trách tư vấn thông qua hotline các vấn đề thực hiện cho Bệnh viện.
- Chuyển các loài sinh vật có thể xâm hại hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh ra bên ngoài khuôn viên Bệnh viện.

4. Phương pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

- Giải pháp và phương pháp luận
- Kế hoạch công tác

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Hàng tháng có tổng hợp biên bản nghiệm thu đánh giá công tác xử lý chuột của tất cả các khoa phòng của bệnh viện làm cơ sở phục vụ công tác thanh, quyết toán.